UBND XÃ HÀ TÂY **PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/TB-VHXH	*Hà Tây, ngày 06 tháng* 11 *năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai danh sách đối tượng hưởng trợ cấp hằng tháng đối với Người có công trên địa bàn Xã Hà Tây tháng 11 năm 2026

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với Cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020;

Nhằm thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo đảm chính sách an sinh xã hội được triển khai đúng đối tượng, đúng chế độ.

Phòng Văn hóa - Xã hội xã Hà Tây thông báo về việc niêm yết công khai danh sách các đối tượng đang hưởng trợ cấp hằng tháng như sau:

I. NỘI DUNG NIÊM YẾT CÔNG KHAI

Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công đang hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hằng tháng trên địa bàn xã.

- Tổng số đối tượng hưởng: 529 người
- Tổng kinh phí chi trả/tháng: 1.579.800.637 đồng

Bằng chữ: Một tỷ năm trăm bảy mươi chín triệu tám trăm nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng.

(Danh sách chi tiết đính kèm theo Thông báo này).

II. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN CÔNG KHAI

1. Hình thức niêm yết:

Niêm yết trực tiếp bằng văn bản giấy tại Bảng tin thông báo tại Trụ sở UBND xã Hà Tây (qua Phòng Văn hóa - Xã hội).

Đăng tải trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử xã Hà Tây.

Thông báo trên hệ thống truyền thanh xã

2. Thời gian niêm yết công khai:

Từ ngày **06/11/2026** đến hết ngày **16/11/2026** (Thời gian niêm yết liên tục là 11 ngày).

III. TỔ CHỨC TIẾP NHẬN Ý KIẾN PHẢN HỒI

Phòng Văn hóa - Xã hội công khai danh sách chi trả để toàn thể nhân dân trên địa bàn tham gia giám sát, kiểm tra.

Nếu phát hiện các trường hợp thông tin sai lệch, đối tượng đã từ trần, chuyển đi nơi khác, đối tượng hưởng không đúng tiêu chuẩn quy định, hoặc có người đủ điều kiện nhưng chưa được lập hồ sơ hưởng chế độ, xin vui lòng phản ánh về phòng Văn hóa - Xã hội xã Hà Tây.

Mọi ý kiến đóng góp, kiến nghị của nhân dân sẽ được phòng Văn hóa - Xã hội xã tiếp nhận, tổng hợp, tiến hành rà soát, xác minh và xử lý theo quy định.

Phòng Văn hóa - Xã hội xã Hà Tây thông báo để nhân dân được biết và phối hợp giám sát./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Trung tâm DVSNC;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, VHXH.

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI
X. HÀ TÂY - T.P HẢI PHÒNG

Nguyễn Danh Trịnh

UBND XÃ HÀ TÂY
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

DANH SÁCH CHI TRẢ TRỢ CẤP HÀNG THÁNG NGƯỜI CÓ CÔNG
Tháng 11 năm 2026

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số sổ lĩnh tiền	Tỷ lệ TT	Tiền trợ cấp tháng này	Ghi chú
Tổng cộng					**1.579.800.637**	
TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%					**401.529.000**	
1	Nguyễn Đức Mỹ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	50823	25	2.236.000	
2	Hoàng Minh Vang	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	26519	22	1.969.000	
3	Lê Đình Khoái	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	44236	21	1.878.000	
4	Phạm Thiêm Quỳnh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	52779	21	1.878.000	
5	Hoàng Văn Tâm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	50819	31	2.770.000	
6	Hoàng Minh Động	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	17286	22	1.969.000	
7	Phạm Văn Bảng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	18127	21	1.878.000	
8	Nguyễn Danh Chạnh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	18858	21	1.878.000	
9	Phạm Văn Đông	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	33513	21	1.878.000	
10	Lê Đình Tỏm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	33508	21	1.878.000	
11	Nguyễn Huy Thuần	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	49677	30	2.683.000	
12	Nguyễn Danh Thạo	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	46641	21	1.878.000	
13	Phạm Hữu Thơ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	50822	31	2.770.000	
14	Nguyễn Danh Sắc	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	50821	32	2.862.000	
15	Đoàn Văn Lại	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	52262	35	3.132.000	
16	Nguyễn Công Kền	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	36037	43	3.839.000	
17	Phạm Hữu Bằng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	50820	32	2.862.000	
18	Nguyễn Huy Tấn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	24387	35	3.132.000	
19	Nguyễn Văn Lương	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	52969	21	1.878.000	
20	Nguyễn Danh Kế	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	21298	24	2.144.000	
21	Phạm Tiến Đạt	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	17487	25	2.236.000	
22	Bùi Văn Am	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	17933	21	1.878.000	
23	Nguyễn Đình Cao	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	18670	21	1.878.000	
24	Lê Đình Tuân	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	26187	25	2.236.000	
25	Nguyễn Đình Tịnh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	35033	31	2.770.000	
26	Hoàng Văn Công	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	18539	25	2.236.000	
27	Nguyễn Đình Lệ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	21767	21	1.878.000	
28	Phạm Đăng Sơn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	23795	31	2.770.000	
29	Nguyễn Danh Giới	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	19800	31	2.770.000	
30	Nguyễn Danh Hải	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	19988	21	1.878.000	
31	Phạm Đăng Quyết	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	23624	21	1.878.000	
32	Phạm Đăng Tôn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	24141	22	1.969.000	
33	Phạm Văn Lo	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	22987	31	2.770.000	
34	Hoàng Văn Phú	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	23265	31	2.770.000	
35	Phạm Như Trường	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	25987	21	1.878.000	

36	Phạm Văn Bình	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	18070	21	1.878.000	
37	Nguyễn Văn Đua	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	17884	21	1.878.000	
38	Nguyễn Đức Sắt	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	23853	21	1.878.000	
39	Nguyễn Chí Thanh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	24890	31	2.770.000	
40	Hoàng Văn Quế	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	35034	31	2.770.000	
41	Nguyễn Danh Quý	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	23551	21	1.878.000	
42	Nguyễn Văn Vịnh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	26778	31	2.770.000	
43	Nguyễn Danh Mầm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	22083	21	1.878.000	
44	Nguyễn Bá Điều	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	17692	31	2.770.000	
45	Nguyễn Thế Định	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	17872	26	2.323.000	
46	Nguyễn Ngọc Hoan	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	20675	21	1.878.000	
47	Đỗ Như Dũng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	19517	25	2.236.000	
48	Đỗ Đức Lương	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	21430	27	2.411.000	
49	Nguyễn Danh Nhạc	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	22780	21	1.878.000	
50	Phạm Đăng Oánh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	23009	25	2.236.000	
51	Lưu Đình Giác	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	19714	25	2.236.000	
52	Phạm Doãn Hiền	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	20415	21	1.878.000	
53	Đỗ Như Sinh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	23722	31	2.770.000	
54	Phạm Hồng Sắc	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	23846	31	2.770.000	
55	Nguyễn Công Hiền	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53146	26	2.323.000	
56	Nguyễn Danh Cửu	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	35035	31	2.770.000	
57	Nguyễn Đức Điềm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	17643	41	3.667.000	
58	Phạm Tiến Kiểm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	21261	47	4.200.000	
59	Nguyễn Danh Mức	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	22253	41	3.667.000	
60	Nguyễn Bá Quyết	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	33275	32	2.862.000	
61	Nguyễn Danh Tiến	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	25640	45	4.024.000	
62	Hoàng Văn Sình	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	23723	33	2.950.000	
63	Phạm Tiến Cát	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	18517	41	3.667.000	
64	Hoàng Văn Khảm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	20958	37	3.304.000	
65	Nguyễn Danh Lân	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	21412	35	3.132.000	
66	Nguyễn Văn Xanh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	26874	51	4.561.000	
67	Nguyễn Văn Tịu	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	26161	41	3.667.000	
68	Nguyễn Hữu Vĩnh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	26817	32	2.862.000	
69	Nguyễn Danh Định	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	17869	51	4.561.000	
70	Nguyễn Đức Thi	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	25066	43	3.839.000	
71	Nguyễn Văn Vì	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	26462	35	3.132.000	
72	Nguyễn Xuân Sách	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	23677	42	3.753.000	
73	Nguyễn Văn Phiến	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	23249	41	3.667.000	
74	Nguyễn Văn Tuyển	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	26340	41	3.667.000	
75	Phạm Khắc Điếm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	17651	45	4.024.000	
76	Nguyễn Văn Tốt	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	24451	34	3.040.000	
77	Nguyễn Quốc Hưng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	20510	51	4.561.000	
78	Phạm Văn Hoán	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	20539	37	3.304.000	
79	Phạm Văn Lân	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	21417	35	3.132.000	
80	Nguyễn Ngọc Trắc	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	25921	25	2.236.000	

81	Hoàng Văn Yết	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	27002	24	2.144.000	
82	Vũ Hải Đăng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	17246	25	2.236.000	
83	Nguyễn Ngọc Hải	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	19993	31	2.770.000	
84	Nguyễn Anh Chuyện	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	46868	24	2.144.000	
85	Đào Quang Khiêm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	21064	31	2.770.000	
86	Nguyễn Văn Khoa	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	21136	22	1.969.000	
87	Nguyễn Văn Hát	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	19836	31	2.770.000	
88	Nguyễn Văn Tạn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	24317	27	2.411.000	
89	Lê Xuân Thìn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	24574	21	1.878.000	
90	Hoàng Văn Nộm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	22406	21	1.878.000	
91	Nguyễn Văn Nhận	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	22825	21	1.878.000	
92	Nguyễn Văn Thiệm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	25121	21	1.878.000	
93	Nguyễn Văn Trọng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	25959	23	2.053.000	
94	Lê Văn Thông	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	24552	31	2.770.000	
95	Hoàng Đức Thọ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	24820	27	2.411.000	
96	Nguyễn Thanh Hồng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	20149	21	1.878.000	
97	Nguyễn Văn Lại	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	21486	21	1.878.000	
98	Nguyễn Xuân Thinh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	25105	21	1.878.000	
99	Nguyễn Văn Cửu	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	50955	25	2.236.000	
100	Đào Quang Vĩnh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	26612	23	2.053.000	
101	Nguyễn Văn Hồng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	20162	21	1.878.000	
102	Phạm Khắc Long	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	21834	25	2.236.000	
103	Nguyễn Hữu Ngừng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	22655	25	2.236.000	
104	Phạm Văn Ngẫm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	22523	21	1.878.000	
105	Nguyễn Văn Sách	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	33506	22	1.969.000	
106	Lê Xuân Hà	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	19886	23	2.053.000	
107	Lê Minh Chiến	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	18956	31	2.770.000	
108	Vũ Văn ánh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	17213	31	2.770.000	
109	Nguyễn Danh Đảm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	17372	22	1.969.000	
110	Phạm Huy Quất	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	46867	21	1.878.000	
111	Nguyễn Danh Diệm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	52165	21	1.878.000	
112	Lê Văn Tòng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	26131	32	2.862.000	
113	Nguyễn Viết Triển	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	40584	44	3.934.000	
114	Phạm Văn Xô	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	26846	32	2.862.000	
115	Nguyễn Văn Minh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53075	38	3.399.000	
116	Nguyễn Tuấn Linh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	50957	41	3.667.000	
117	Hoàng Đức Cương	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	33507	22	1.969.000	
118	Nguyễn Văn Hốt	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	51308	27	2.411.000	
119	Nguyễn Văn Thuấn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	33498	21	1.878.000	
120	Nguyễn Trung Dược	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	50818	22	1.969.000	
121	Hoàng Văn Thự	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	25378	31	2.770.000	
122	Phạm Hồng Hà	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	34464	31	2.770.000	
123	Lê Văn Chiến	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	18958	34	3.040.000	
124	Phạm Khắc Linh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	21708	45	4.024.000	
125	Phạm Ngọc Điệp	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	17684	41	3.667.000	

126	Nguyễn Viết Bao	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	18256	41	3.667.000	
127	Nguyễn Hữu Nho	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	22906	35	3.132.000	
128	Phạm Khắc Phớm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	23223	41	3.667.000	
129	Nghiêm Công Thi	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	25063	45	4.024.000	
130	Phạm Trung Trịnh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	26077	41	3.667.000	
131	Đỗ Đức Nhạc	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	22778	41	3.667.000	
132	Nguyễn Xuân Tuấn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	42957	21	1.878.000	
133	Nguyễn Viết Ngọ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	49676	24	2.144.000	
134	Bùi Duy Quang	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	23422	25	2.236.000	
135	Đỗ Xuân Thức	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	45447	21	1.878.000	
136	Nguyễn Văn Nghi	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	22539	21	1.878.000	
137	Nguyễn Sỹ Hữu	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	19847	31	2.770.000	
138	Phạm Khắc Nhân	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	22745	25	2.236.000	
139	Đỗ Văn Vĩnh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	26815	25	2.236.000	
140	Nguyễn Đình Khải	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	20948	26	2.323.000	
141	Đỗ Xuân Thuỷ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	25487	21	1.878.000	
142	Đỗ Văn Tùng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	25578	31	2.770.000	
143	Đỗ Ngọc Huynh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	20826	25	2.236.000	
144	Lê Quang Triệu	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	26051	21	1.878.000	
145	Nguyễn Xuân Thành	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	24677	24	2.144.000	
146	Lê Văn Tiếp	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	25682	21	1.878.000	
147	Nguyễn Viết Hỗ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	20199	23	2.053.000	
148	Nguyễn Sỹ Hồng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	20146	21	1.878.000	
149	Đỗ Văn Bồng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	18247	22	1.969.000	
150	Phạm Trung Phố	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	51138	25	2.236.000	
151	Nguyễn Văn Thành	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	52088	21	1.878.000	
152	Lê Văn Chuyên	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	19169	41	3.667.000	
153	Phạm Duy Sơn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	23796	41	3.667.000	
154	Nguyễn Viết Đường	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	17598	32	2.862.000	
155	Phạm Khắc Trạm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	25928	41	3.667.000	
TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%					**88.547.000**	
1	Phạm Hữu Lành	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	21456	61	5.450.000	
2	Phạm Doãn Hoan	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	20682	61	5.450.000	
3	Phạm Hữu Đinh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	17853	61	5.450.000	
4	Phạm Tá Bông	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	18000	61	5.450.000	
5	Nguyễn Văn Nguyện	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	22705	61	5.450.000	
6	Phạm Văn Huệ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	20758	61	5.450.000	
7	Nguyễn Tiến Nhật	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	22854	61	5.450.000	
8	Nguyễn Tiến Huấn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	20740	61	5.450.000	
9	Lê Văn Tiến	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	25633	61	5.450.000	
10	Nguyễn Văn Chiến	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	18980	61	5.450.000	
11	Phạm Khắc Mật	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	22130	61	5.450.000	
12	Bùi Duy Khuê	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	21181	65	5.809.000	
13	Đỗ Hoài Bắc	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	18156	61	5.450.000	
14	Phạm Sỹ Ngân	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	22440	71	6.343.000	

15	Phạm Văn Ngũ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	22634	62	5.545.000	
16	Phạm Xuân Lạc	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	21473	61	5.450.000	
TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên					**8.639.000**	
1	Nguyễn Đức Quý	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	16994	81	8.639.000	
TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên có VT ĐB nặng					**20.214.000**	
1	Nguyễn Xuân Trường	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	16760	81	10.107.000	
2	Phạm Xuân Thuyết	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	16754	81	10.107.000	
BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%					**52.398.000**	
1	Hoàng Văn Bông	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	36381	41	2.911.000	
2	Phạm Đăng Đong	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	1839	50	2.911.000	
3	Nguyễn Hữu Ngạo	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	1786	41	2.911.000	
4	Nguyễn Danh Nhàn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	1840	50	2.911.000	
5	Phạm Danh Trung	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	1787	41	2.911.000	
6	Nguyễn Văn Lương	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	1837	43	2.911.000	
7	Nguyễn Đức Đinh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	1836	41	2.911.000	
8	Nguyễn Văn Huynh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	1871	45	2.911.000	
9	Nguyễn Kim Điện	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	1869	41	2.911.000	
10	Nguyễn Đức Phượng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	1876	45	2.911.000	
11	Nguyễn Văn Kích	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	1873	41	2.911.000	
12	Nguyễn Văn Hựu	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	1874	45	2.911.000	
13	Nguyễn Văn Bên	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	1878	44	2.911.000	
14	Lê Quang Văn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	1867	41	2.911.000	
15	Phạm Trung Tạn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	1865	41	2.911.000	
16	Phạm Khắc Hách	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	1866	41	2.911.000	
17	Phạm Xuân Khánh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	1861	41	2.911.000	
18	Phạm Xuân Sửa	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	1862	41	2.911.000	
BB suy giảm KNLĐ từ 51-60%					**7.254.000**	
1	Phạm Văn Lùn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	1877	55	3.627.000	
2	Lê Văn ứng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	1860	51	3.627.000	
BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%					**291.186.000**	
1	Phạm Văn Hiển	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	28915	64	4.622.000	
2	Phạm Trọng Năng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	31865	61	4.622.000	
3	Phạm Duy Ninh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	32085	61	4.622.000	
4	Nguyễn Danh Sắc	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	31169	61	4.622.000	
5	Phạm Thiêm Quynh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	31604	61	4.622.000	
6	Nguyễn Đức Tấn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	31080	61	4.622.000	
7	Phạm Tiến Thọ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	32218	61	4.622.000	
8	Nguyễn Văn Toàn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	31034	61	4.622.000	
9	Phạm Sỹ Diên	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	30458	61	4.622.000	
10	Nguyễn Hữu Thạch	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	30707	61	4.622.000	
11	Phạm Hữu Đạc	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	30876	61	4.622.000	
12	Nguyễn Đức Hảo	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	31095	61	4.622.000	
13	Phạm Hữu Bằng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	29965	61	4.622.000	
14	Phạm Trọng Miệt	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	30139	61	4.622.000	
15	Nguyễn Bá Quyết	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	31610	61	4.622.000	

16	Nguyễn Văn Thái	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	31310	61	4.622.000	
17	Phạm Đăng Nhã	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	31154	61	4.622.000	
18	Hoàng Văn Tâm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	30037	61	4.622.000	
19	Đoàn Văn Lại	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	30048	61	4.622.000	
20	Nguyễn Danh Bình	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	30661	61	4.622.000	
21	Nguyễn Văn Chuyền	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	29393	61	4.622.000	
22	Phạm Minh Giám	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	30084	61	4.622.000	
23	Lê Đình Lê	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	30401	61	4.622.000	
24	Lê Xuân Hà	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	31369	61	4.622.000	
25	Hoàng Minh Lần	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	32395	61	4.622.000	
26	Nguyễn Văn Minh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	31178	61	4.622.000	
27	Phạm Văn Lanh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	31963	61	4.622.000	
28	Nguyễn Danh Trang	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	30513	61	4.622.000	
29	Nguyễn Văn Thuấn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	29066	62	4.622.000	
30	Nguyễn Bá Tảo	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	32259	61	4.622.000	
31	Nguyễn Xuân Cách	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	31006	61	4.622.000	
32	Hoàng Văn Đan	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	28939	64	4.622.000	
33	Nguyễn Trung Dược	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	45211	61	4.622.000	
34	Nguyễn Hùng Đạo	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	28432	70	4.622.000	
35	Nguyễn Văn Cửu	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	31123	61	4.622.000	
36	Phạm Quang Bình	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	31972	61	4.622.000	
37	Nguyễn Sinh Phả	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	31491	61	4.622.000	
38	Phạm Văn Hải	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	28935	64	4.622.000	
39	Nguyễn Văn Thi	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	29451	61	4.622.000	
40	Lê Xuân Nghệ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	28936	64	4.622.000	
41	Lê Thành Ngó	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	29253	61	4.622.000	
42	Phạm Trung Thoảng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	29118	62	4.622.000	
43	Đoàn Văn Cung	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	28854	65	4.622.000	
44	Phạm Khắc Toản	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	29731	61	4.622.000	
45	Nguyễn Năng Thi	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	30464	61	4.622.000	
46	Phạm Trung Phố	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	30978	61	4.622.000	
47	Bùi Duy Khuê	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	31518	61	4.622.000	
48	Phạm Trung Tranh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	32162	61	4.622.000	
49	Đỗ Văn Tùng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	29224	61	4.622.000	
50	Phạm Đức Cự	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	30847	61	4.622.000	
51	Nguyễn Bá Đắc	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	30993	61	4.622.000	
52	Phạm Duy Kim	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	28419	70	4.622.000	
53	Đỗ Xuân Trường	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	30291	61	4.622.000	
54	Lê Quang Triệu	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	28558	68	4.622.000	
55	Lê Ngọc Duy	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	31216	61	4.622.000	
56	Lê Văn Giới	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	32169	61	4.622.000	
57	Lê Văn Sứng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	31322	61	4.622.000	
58	Phạm Trung Đoan	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	30872	61	4.622.000	
59	Nguyễn Xuân Tuấn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	1863	65	4.622.000	
60	Phạm Khắc Thịnh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	29202	61	4.622.000	

61	Nguyễn Xuân Phú	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	30292	61	4.622.000	
62	Nguyễn Viết Khoái	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	32208	61	4.622.000	
63	Bùi Hữu Thước	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	30944	61	4.622.000	
BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%					**37.303.000**	
1	Nguyễn Xuân Thành	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	31665	75	5.329.000	
2	Phạm Duy Tường	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	27656	71	5.329.000	
3	Nguyễn Quang Cảnh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	52970	71	5.329.000	
4	Nguyễn Văn Hốt	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	27661	71	5.329.000	
5	Nguyễn Danh Diệm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	27448	71	5.329.000	
6	Nguyễn Văn Măng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	27392	71	5.329.000	
7	Lê Mạnh Bính	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	27329	72	5.329.000	
TB B suy giảm KNLĐ từ 21-60%					**8.695.000**	
1	Phạm Thị Non	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	14738	21	1.552.000	
2	Nguyễn Danh Thức	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	14739	25	1.848.000	
3	Nguyễn Bá Tảo	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	50824	31	2.280.000	
4	Lê Văn Tiu	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	14745	41	3.015.000	
Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ở gia đình					**2.789.000**	
1	Nguyễn Thị Tuyết	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	1	0	2.789.000	
Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ĐBN ở gia đình					**7.164.000**	
1	Nguyễn Thị Sáu	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	1	0	3.582.000	
2	Đỗ Thị Hoạt	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	1	0	3.582.000	
Người phục vụ người nhiễm CĐHH trên 81%					**2.789.000**	
1	Phạm Thị Thoan	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	1	0	2.789.000	
Tuất 1 liệt sỹ					**189.652.000**	
1	Nguyễn Thị Khởi	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	36195	0	2.789.000	
2	Nguyễn Thị Thắm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	12646	0	2.789.000	
3	Nguyễn Thị Sen	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	12652	0	2.789.000	
4	Phạm Thị Còn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	12650	0	2.789.000	
5	Nguyễn Thị Bậng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	12816	0	2.789.000	
6	Nguyễn Thị Hớn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	12792	0	2.789.000	
7	Nguyễn Thị Bánh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	12817	0	2.789.000	
8	Nguyễn Thị Hiền	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	12814	0	2.789.000	
9	Nguyễn Thị Lan	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	12828	0	2.789.000	
10	Nguyễn Thị Bụi	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	12802	0	2.789.000	
11	Nguyễn Thị Êm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	12659	0	2.789.000	
12	Bùi Thị Dáu	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	12800	0	2.789.000	
13	Phạm Thị Lành	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	12811	0	2.789.000	
14	Nguyễn Thị Tinh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	12827	0	2.789.000	
15	Nguyễn Thị Hụt	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	12801	0	2.789.000	
16	Nguyễn Thị Nụ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	12805	0	2.789.000	
17	Nguyễn Thị Dính	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	12809	0	2.789.000	
18	Phạm Thị Nắng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	12649	0	2.789.000	
19	Nguyễn Thị Nhiềm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	12655	0	2.789.000	
20	Nguyễn Thị Hường	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	12810	0	2.789.000	
21	Nguyễn Thị Nhỡ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	12826	0	2.789.000	

22	Phạm Thị Thềm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	12795	0	2.789.000	
23	Nguyễn Thị Dênh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	12837	0	2.789.000	
24	Nguyễn Danh Luật	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13044	0	2.789.000	
25	Khương Thị Thắm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13067	0	2.789.000	
26	Nguyễn Thị Hữu	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13061	0	2.789.000	
27	Dương Đức Tân	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13101	0	2.789.000	
28	Hoàng Thị Lời	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13115	0	2.789.000	
29	Phạm Thị Hạnh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13046	0	2.789.000	
30	Phạm Thị Khai	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13066	0	2.789.000	
31	Nguyễn Thị Liên	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13069	0	2.789.000	
32	Nguyễn Thị Bắc	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13092	0	2.789.000	
33	Phạm Thị Gái	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13082	0	2.789.000	
34	Lê Thị Xuân	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13107	0	2.789.000	
35	Phạm Thị Vụ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13049	0	2.789.000	
36	Nguyễn Thị Tẹo	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13070	0	2.789.000	
37	Nguyễn Thị Nga	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13071	0	2.789.000	
38	Hoàng Thị Tân	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13112	0	2.789.000	
39	Nguyễn Thị Nết	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	32871	0	2.789.000	
40	Lê Thị Điều	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13045	0	2.789.000	
41	Phạm Thị Chinh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13054	0	2.789.000	
42	Nguyễn Thị Đà	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13063	0	2.789.000	
43	Phạm Thị Nếp	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13094	0	2.789.000	
44	Đoàn Thị Sáng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13047	0	2.789.000	
45	Nguyễn Thị Bé	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13056	0	2.789.000	
46	Nguyễn Thị Trạch	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13057	0	2.789.000	
47	Nguyễn Thị Tâm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13080	0	2.789.000	
48	Nguyễn Thị Thìn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13100	0	2.789.000	
49	Nguyễn Thị Bẩy	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13109	0	2.789.000	
50	Phạm Thị Lành	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13084	0	2.789.000	
51	Hoàng Thị Nỏn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13075	0	2.789.000	
52	Nguyễn Thị Kíp	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13093	0	2.789.000	
53	Nguyễn Thị Hoa	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13111	0	2.789.000	
54	Nguyễn Thị Ngần	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13052	0	2.789.000	
55	Nguyễn Thị Hồng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13053	0	2.789.000	
56	Nguyễn Thị Lớ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13060	0	2.789.000	
57	Lê Thị Dứa	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13062	0	2.789.000	
58	Nguyễn Thị Thoa	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13036	0	2.789.000	
59	Nguyễn Xuân Du	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13027	0	2.789.000	
60	Phạm Khắc Ngọc	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13008	0	2.789.000	
61	Phạm Thị Mái	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13034	0	2.789.000	
62	Đỗ Thị Hoè	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13012	0	2.789.000	
63	Phạm Thị Hiền	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13019	0	2.789.000	
64	Nguyễn Thị Lọt	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13007	0	2.789.000	
65	Đỗ Thị Đượng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13013	0	2.789.000	
66	Nguyễn Thị Dậu	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13021	0	2.789.000	

67	Nguyễn Thị Loan	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13006	0	2.789.000	
68	Nguyễn Thị Đề	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13038	0	2.789.000	
Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND					**5.020.000**	
1	Phạm Thị Mai	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	13050	0	5.020.000	
Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác					**36.257.000**	
1	Nguyễn Thị Vân	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	40585	0	2.789.000	
2	Phạm Thị Lành	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	44441	0	2.789.000	
3	Phạm Thị Nở	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	46061	0	2.789.000	
4	Phạm Thị Phơ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	44910	0	2.789.000	
5	Nguyễn Thị Nụ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	44439	0	2.789.000	
6	Nguyễn Thị Mỵ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	44403	0	2.789.000	
7	Nguyễn Thị Tình	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	44440	0	2.789.000	
8	Nguyễn Thị Nụ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	41732	0	2.789.000	
9	Lê Thị Quến	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	42608	0	2.789.000	
10	Nguyễn Thị Dung	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	44244	0	2.789.000	
11	Nguyễn Thị Vui	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	42966	0	2.789.000	
12	Nguyễn Thị Ngại	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	42607	0	2.789.000	
13	Phạm Thị Tam	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	41436	0	2.789.000	
Tuất cán bộ TKN hưởng ĐXCB					**3.130.000**	
1	Nguyễn Thị Liên	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	45467	0	1.565.000	
2	Nguyễn Thị Nắng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	34462	0	1.565.000	
Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB					**20.345.000**	
1	Nguyễn Thị Thái	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53927	0	1.565.000	
2	Bùi Thị Mùi	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53926	0	1.565.000	
3	Phạm Thị Thứ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53925	0	1.565.000	
4	Nguyễn Thị Lý	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	42307	0	1.565.000	
5	Phạm Thị Quýt	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	49608	0	1.565.000	
6	Nguyễn Thị Hón	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	51438	0	1.565.000	
7	Nguyễn Thị Tuy	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	33984	0	1.565.000	
8	Bùi Thị Thêu	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	49808	0	1.565.000	
9	Vũ Thị Nga	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	49942	0	1.565.000	
10	Trần Thị Hà	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	15141	0	1.565.000	
11	Lê Thị Kỷ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53719	0	1.565.000	
12	Đỗ Thị Hiền	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	40648	0	1.565.000	
13	Phạm Thị Chinh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	41283	0	1.565.000	
Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB					**48.515.000**	
1	Nguyễn Thị Minh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	43028	0	1.565.000	
2	Nguyễn Thị Mát	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	47539	0	1.565.000	Tăng tháng 6
3	Vũ Thị Sừu	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	47656	0	1.565.000	Tăng tháng 7
4	Nguyễn Thị Bột	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	46561	0	1.565.000	
5	Phạm Thị Thanh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	15662	0	1.565.000	
6	Nguyễn Thị Chiêu	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	40086	0	1.565.000	
7	Phạm Thị Mận	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	45141	0	1.565.000	
8	Nguyễn Thị Mụi	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	79759	0	1.565.000	
9	Hoàng Thị Tính	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	48985	0	1.565.000	

10	Phạm Thị Tóp	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	36267	0	1.565.000	
11	Nguyễn Thị Nún	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	40085	0	1.565.000	
12	Nguyễn Thị Mùi	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	41429	0	1.565.000	
13	Phạm Thị Tân	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	15527	0	1.565.000	
14	Hà Thị Lại	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	46160	0	1.565.000	
15	Nguyễn Thị Tam	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	40929	0	1.565.000	
16	Vũ Thị Thoa	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	48967	0	1.565.000	
17	Nguyễn Thị Nhắc	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	36296	0	1.565.000	
18	Lê Thị Thu	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	40930	0	1.565.000	
19	Trần Thị Nụ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	41988	0	1.565.000	
20	Bùi Thị Thành	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	52095	0	1.565.000	
21	Đỗ Thị Quang	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	44740	0	1.565.000	
22	Phạm Thị Xuân	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	39142	0	1.565.000	
23	Bùi Thị Hỏi	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	39143	0	1.565.000	
24	Đỗ Thị Thang	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	33026	0	1.565.000	
25	Phạm Thị Yên	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	33147	0	1.565.000	
26	Ngô Thị Tinh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53722	0	1.565.000	
27	Lê Văn Dùng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	27114	0	1.565.000	
28	Phạm Thị Xuân	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	27115	0	1.565.000	
29	Lê Thị Vĩnh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	45464	0	1.565.000	
30	Phạm Thị Mưa	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	45961	0	1.565.000	
31	Phạm Thị Oanh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	46227	0	1.565.000	
Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB					**14.085.000**	
1	Nguyễn Thị Cậy	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	54095	0	1.565.000	
2	Nguyễn Thị Loan	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53918	0	1.565.000	
3	Nguyễn Thị Hoa	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	42896	0	1.565.000	
4	Phạm Thị Thuyết	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53221	0	1.565.000	
5	Phạm Thị Thu	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	40461	0	1.565.000	
6	Phạm Thị Nhất	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	40098	0	1.565.000	
7	Lê Thị Thúy	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	50729	0	1.565.000	
8	Phạm Khắc Hách	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	46150	0	1.565.000	
9	Nguyễn Thị Thuần	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	52455	0	1.565.000	
Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%					**86.920.000**	
1	Phạm Đức Toen	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	47241	35	2.120.000	tăng tháng 2
2	Phạm Văn Hảo	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	47242	35	2.120.000	tăng tháng 2
3	Lê Đình Hải	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	47163	35	2.120.000	tăng tháng 1
4	Phạm Sỹ Đạt	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	47538	35	2.120.000	tăng tháng 6
5	Lê Văn Tuấn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	47654	35	2.120.000	tăng tháng 7
6	Nguyễn Văn Hồng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	47653	35	2.120.000	tăng tháng 7
7	Phạm Đăng Bơ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	47655	35	2.120.000	tăng tháng 7
8	Lê Đình Huệ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	47767	35	2.120.000	tăng tháng 8
9	Nguyễn Danh Tấn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	47766	35	2.120.000	tăng tháng 8
10	Phạm Tiến Hùng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	47768	35	2.120.000	tăng tháng 8
11	Hoàng Thị Tú	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	47848	35	2.120.000	tăng tháng 10
12	Nguyễn Thế Ngọt	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	54012	35	2.120.000	

13	Lê Văn Hồng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53924	35	2.120.000	
14	Nguyễn Danh Phương	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53923	35	2.120.000	
15	Phạm Văn Dị	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53922	35	2.120.000	
16	Nguyễn Huy Tắc	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53921	35	2.120.000	
17	Phạm Hữu Hòa	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53919	35	2.120.000	
18	Nguyễn Danh Giới	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53800	35	2.120.000	
19	Hoàng Văn Vang	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	52883	35	2.120.000	
20	Phạm Duy Trung	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53798	35	2.120.000	
21	Nguyễn Chí Thanh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53383	35	2.120.000	
22	Nguyễn Đình Tịnh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	49806	35	2.120.000	
23	Hoàng Văn Khảm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	49940	35	2.120.000	
24	Nguyễn Tiến Nguyên	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	49109	35	2.120.000	
25	Nguyễn Văn Mạc	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53476	35	2.120.000	
26	Nguyễn Danh Thạo	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53591	35	2.120.000	
27	Nguyễn Ngọc Hoan	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53712	35	2.120.000	
28	Nguyễn Danh Mức	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53538	35	2.120.000	
29	Lê Đình Tỏm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	52838	35	2.120.000	
30	Phạm Đăng Lưng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	46177	35	2.120.000	
31	Hoàng Văn Quế	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	50681	35	2.120.000	
32	Lê Đình Khoái	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	52093	35	2.120.000	
33	Nguyễn Đức Tư	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	46760	35	2.120.000	
34	Nguyễn Văn Nắng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53299	35	2.120.000	
35	Đỗ Văn Hưởng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53714	35	2.120.000	
36	Phạm Xuân Lạc	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	52839	35	2.120.000	
37	Nguyễn Văn Thành	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	49420	35	2.120.000	
38	Nguyễn Huy Tương	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53071	35	2.120.000	
39	Bùi Duy Tu	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	46442	35	2.120.000	
40	Nguyễn Xuân Sáng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	47052	35	2.120.000	tăng T12
41	Nguyễn Danh Chừng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	47053	35	2.120.000	tăng T12
Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%					**95.634.000**	
1	Nguyễn Danh Đón	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	14133	41	3.542.000	
2	Nguyễn Văn Hoài	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	47849	41	3.542.000	Tăng tháng 10
3	Nguyễn Danh Cảnh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	40076	41	3.542.000	
4	Phạm Thế Lo	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	42164	41	3.542.000	
5	Nguyễn Xuân Quang	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	42387	41	3.542.000	
6	Nguyễn Đức Mỹ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	37857	41	3.542.000	
7	Bùi Văn Am	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	43033	41	3.542.000	
8	Phạm Hữu Lành	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	34255	41	3.542.000	
9	Hoàng Minh Động	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	43032	41	3.542.000	
10	Bùi Văn Thẩm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	14132	41	3.542.000	
11	Phạm Văn Lùn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	33217	41	3.542.000	
12	Nguyễn Văn Dự	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	14136	41	3.542.000	
13	Nguyễn Văn Chiến	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	33143	41	3.542.000	
14	Lê Minh Chiến	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	35643	41	3.542.000	
15	Phạm Hồng Hà	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	44400	41	3.542.000	

16	Đào Quang Vĩnh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	40080	41	3.542.000	
17	Nguyễn Văn Sáu	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	37865	41	3.542.000	
18	Nguyễn Viết Triển	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	40654	41	3.542.000	
19	Lê Ngọc Nghĩnh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	14137	41	3.542.000	
20	Phạm Khắc Hách	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	40072	41	3.542.000	
21	Phạm Duy Hiền	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	14135	41	3.542.000	
22	Bùi Duy Khuê	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	35525	41	3.542.000	
23	Phạm Ngọc Diệp	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	33992	41	3.542.000	
24	Đỗ Văn Bồng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	33898	41	3.542.000	
25	Phạm Khắc Ninh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	34249	41	3.542.000	
26	Phạm Duy Sơn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	35528	41	3.542.000	
27	Phạm Khắc Phơm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	37864	41	3.542.000	
Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%					**49.640.000**	
1	Phạm Hữu Trịnh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	39178	61	4.964.000	
2	Nguyễn Văn Kế	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	37854	61	4.964.000	
3	Phạm Hồng Sắc	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	45458	75	4.964.000	
4	Nguyễn Đức Đã	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	39179	61	4.964.000	
5	Nguyễn Văn Đến	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	39154	61	4.964.000	
6	Hoàng Đức Cương	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	39152	61	4.964.000	
7	Hoàng Quang Thông	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	42496	61	4.964.000	
8	Nguyễn Văn Nguyệt	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	39153	61	4.964.000	
9	Nguyễn Như Sắc	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	39150	61	4.964.000	
10	Nguyễn Viết Nhắc	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	40084	61	4.964.000	
Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 81% - 100%					**7.757.000**	
1	Phạm Đăng Quyết	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53593	85	7.757.000	
Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%					**20.076.000**	
1	Nguyễn Tiến Trường	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	3105	0	1.673.000	
2	Phạm Hữu Tân	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	3146	0	1.673.000	
3	Nguyễn Công Cường	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	3145	0	1.673.000	
4	Nguyễn Đức Hùng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	3144	0	1.673.000	
5	Nguyễn Thị Huyền	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	35956	0	1.673.000	
6	Nguyễn Thị Thu Vân	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	33273	0	1.673.000	
7	Lê Xuân Giáp	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	33145	0	1.673.000	
8	Phạm Duy Cần	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	3165	0	1.673.000	
9	Đỗ Thị Huyền	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	3168	0	1.673.000	
10	Phạm Đức Dong	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	3171	0	1.673.000	
11	Phạm Thị Thắng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	3170	0	1.673.000	
12	Phạm Thị Chuyên	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	3166	0	1.673.000	
Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên					**44.624.000**	
1	Bùi Văn Toàn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	3143	0	2.789.000	
2	Phạm Hữu Thịnh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	3140	0	2.789.000	
3	Nguyễn Thị Hà	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	3141	0	2.789.000	
4	Nguyễn Danh Mạnh	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	3142	0	2.789.000	
5	Nguyễn Thị Thêu	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	3177	0	2.789.000	
6	Nguyễn Văn Tùng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	3180	0	2.789.000	

7	Nguyễn Thị Thuấn	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	3178	0	2.789.000	
8	Nguyễn Văn Tuyến	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	3176	0	2.789.000	
9	Nguyễn Thị Luyên	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	3175	0	2.789.000	
10	Nguyễn Như Lãm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	35957	0	2.789.000	
11	Phạm Trung Khoa	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	35641	0	2.789.000	
12	Phạm Thị Thành	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	3167	0	2.789.000	
13	Đỗ Thị Hương	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	3172	0	2.789.000	
14	Phạm Khắc Biên	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	3117	0	2.789.000	
15	Nguyễn Viết An	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	3169	0	2.789.000	
16	Phạm Thị Dương	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	35529	0	2.789.000	
Quân nhân xuất ngũ từ 15 đến dưới 16 năm CT					**8.514.000**	
1	Nguyễn Viết Nhắc	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	34266	0	2.838.000	
2	Nguyễn Trọng Đức	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	35516	0	2.838.000	
3	Phạm Khắc Triệu	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	34265	0	2.838.000	
Quân nhân xuất ngũ từ 16 đến dưới 17 năm CT					**2.966.000**	
1	Phạm Văn Xô	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	34273	0	2.966.000	
Quân nhân xuất ngũ từ 18 đến dưới 19 năm CT					**3.227.000**	
1	Bùi Duy Chép	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	34594	0	3.227.000	
Công an xuất ngũ từ 18 đến dưới 19 năm CT					**3.220.637**	
1	Hoàng Anh Gấm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	36106	0	3.220.637	
Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày					**11.711.000**	
1	Nguyễn Đức Tản	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	36786	0	1.673.000	
2	Nguyễn Quốc Hưng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	36788	0	1.673.000	
3	Nguyễn Hữu Ngừng	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	36784	0	1.673.000	
4	Hoàng Văn Nôm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	36785	0	1.673.000	
5	Nguyễn Viết Ngọ	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	36804	0	1.673.000	
6	Phạm Ngọc Điệp	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	36806	0	1.673.000	
7	Đặng Văn Cụm	Xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng	53077	0	1.673.000	

Tổng đối tượng 529

Ngày 06 tháng 11 năm 2026

Người lập

Phạm Thị Hạnh

Thủ trưởng đơn vị

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI
HÀ TÂY - T.P HẢI PHÒNG

Nguyễn Danh Trịnh